TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN MƯỜNG TÈ** **TỈNH LAI CHÂU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số:01/2020/DSST- HNGD
Ngày: 15/05/2020.
V/v: Xin ly hôn, nuôi con sau ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MƯỜNG TÈ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông: Đỗ Mạnh Trang

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Vàng Thị Thu; Lý Thị The

- Thư ký phiên tòa: Bà Lâm Thị Tuyết - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai châu tham gia phiên toà: Ông: Nguyễn Thành Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 05 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 24/2019/TLST-HNGĐ, ngày 03 tháng 10 năm 2019 về việc: "Xin ly hôn, nuôi con sau ly hôn " theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2020 QĐXXS - HNGĐ, ngày 03 tháng 02 năm 2020 và thông báo mở phiên tòa số 02/TB-TA, ngày 04 tháng 5 năm 2020 giữa:

1. Nguyên đơn: chị Bùi Thị L - Sinh năm: 1986.

Nghề nghiệp: Cán bộ

Nơi công tác: Bảo hiểm xã hội huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu.

Địa chỉ: Khu phố 10, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu – Có mặt

2. Bị đơn: Anh Bùi Đức H– Sinh năm: 1984.

Nghề nghiệp: Cán bộ

Nơi công tác: Sở lao động & thương binh xã hội tỉnh Lai Châu

Trú tại: Khu phố 10, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu – Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN;

Ngày 02/10/2019 Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu nhận được đơn khởi kiện của chị Bùi Thị L với nội dung, yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn giữa Chị với anh Bùi Đức H và đề nghị giải quyết về quyền nuôi con sau khi ly hôn. Trong đơn khởi kiện và lời khai sau này chị Bùi Thị L trình bày Chị và anh Bùi Đức Hảo kết hôn với nhau từ ngày 26 tháng 11 năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân

Phường Quyết Thắng, Thành Phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, Chị và anh H kết hôn với nhau trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc ai và cũng không bị ai ép buộc. Trong quá trình chung sống Chị và anh H luôn bất đồng quan điểm, không có tiếng nói chung trong cuộc sống, anh H không quan tâm đến gia đình, đến tháng 4 năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn, chị và anh H cùng hai bên gia đình nội ngoại cũng khuyên giải để xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng không đạt được, năm 2017 chị và anh H đã sống ly thân với nhau, từ khi sống ly thân đến nay chị và anh H không quan tâm gì đến nhau, chị xác định tình cảm giữa chị và anh H không còn nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, chị làm đơn yêu cầu xin được ly hôn với anh Bùi Đức H. Về con chung trong thời gian chung sống chị và anh H có hai con chung, sau khi ly hôn chị có trách nhiệm trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Thị Phương L, sinh ngày 31/8/2010; còn anh Bùi Đức H sẽ trực tiếp nuôi dưỡng cháu Bùi Quang V, sinh ngày 31/10/2016. Về tài sản chung và công nợ Chị L không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của bị đơn: tại bản tự khai và biên bản lấy lời khai ngày 17/10/2019 anh Bùi Đức H trình bày, anh và chị Bùi Thị L, kết hôn với nhau từ ngày 26 tháng 11 năm 2009 có đăng ký kết hôn tại UBND Phường Quyết Thắng, Thành Phố, Lai Châu. Anh và chị L kết hôn trên cơ sở tìm hiểu hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc ai và không bị ai ép buộc. Trong qúa trình chung sống thì không có mâu thuẫn gì lớn, chỉ bất đồng một số quan điểm sống, từ khi kết hôn anh luôn có tình cảm với chị L, anh xác định tình cảm của anh với chị L vẫn còn, anh không nhất trí ly hôn. Về con chung do không đồng ý ly hôn nên không yêu cầu giải quyết, trường hợp chị L vẫn nhất quyết ly hôn anh đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng hai con. Về tài sản hiện nay có một ngôi nhà tại khu phố 10 và nợ ngân hàng nông nghiệp do chị L đứng tên vay, nhưng số tiền vay thì anh không rõ, nếu ly hôn anh yêu cầu giải quyết theo pháp luật.

Trong quá trình giải quyết Tòa án nhân dân huyện Mường Tè đã tiến hành hòa giải để chị L và anh H trở về đoàn tụ, xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng không thành. Chị L xác định tình cảm giữa Chị và anh H không còn nên không nhất trí trở về đoàn tụ, còn anh H xác định tình cảm của anh với L vẫn còn nên không nhất trí ly hôn. Tại phiên hòa giải chị L và anh H thỏa thuận nếu ly hôn về con chung giao hai cháu Bùi Thị Phương L, sinh năm 2010 và cháu Bùi Quang V, sinh ngày 31/10/2016 cho Bùi Đức H, trực tiếp chăm sóc, giáo dục; về cấp dưỡng nuôi con, hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết. Về tài sản chung và công nợ hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa: Nguyên đơn, chị Bùi Thị L trình bày Chị và anh H kết hôn với nhau hơn 10 năm, trong thời gian chung sống anh H chơi bời không quan tâm đến gia đình và vợ con, cuộc sống hằng ngày của gia đình các con hoàn toàn do chị đảm nhận, chị đã nhiều lần khuyên bảo để anh H sửa chữa quan tâm gia đình, vun đắp gia đình nhưng anh H không sửa chữa, không có thay đổi gì; trước khi làm đơn anh H cũng nhắn tin cho chị

bảo chị làm đơn ly hôn. Chị xác định tình cảm giữa Chị và anh Bùi Đức H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, chị vẫn giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn. Về con chung chị giữ nguyên quan điểm theo biên bản hòa giải, nếu anh Hảo không nhất trí thì chị có trách nhiệm nuôi con sau ly hôn. Về tài sản, công nợ tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn, Anh Bùi Đức H trình bày, Anh thừa nhận từ khi lấy nhau thường xuyên chơi bời, không quan tâm đến gia đình, tuy nhiên trong cuộc sống không có mâu thuẫn gì lớn, có lần anh cũng nhắn tin cho chị L bảo chị làm đơn xin ly hôn, nhưng lúc đó do anh bị say rượu nên mới xử sự như vậy, anh nhận thấy tình cảm của anh với chị L vẫn còn nên anh không nhất trí ly hôn, nếu phải ly hôn về con chung anh nhất trí theo thỏa thuận trong biên bản hòa giải ngày 25/11/2019 tại Tòa án.

Ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa: Về thủ tục tố tụng Thẩm phán đã tuân thủ đúng về thẩm quyền, trình tự tố tụng theo quy định Bộ luật tố tụng. Về nội dung đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị L, cho chị Bùi Thị L và anh Bùi Đức H được ly hôn, đồng thời ghi nhận sự thỏa thuận tại biên bản hòa giải ngày 25/11/2019 giao 02 cháu Bùi Thị Phương L, sinh năm 2010 và cháu Bùi Quang V, sinh ngày 31/10/2016 cho anh Bùi Đức H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; về cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn hai bên tự thỏa thuận, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét. Về tài sản các bên tự thỏa thuân không yêu cầu giải quyết, đề nghị không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ, lời khai của các đương sự đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về pháp luật tố tụng và trình tự tố tụng: Đơn yêu cầu xin ly hôn giữa chị Bùi Thị L có địa chỉ tại: Khu phố 10, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu, đối với anh Bùi Đức H có địa chỉ tại: Khu phố 10, thị trấn Mường Tè, huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu, là yêu cầu tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu, do vậy, Tòa án nhân dân huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định BLTTDS. Sau khi thụ lý Tòa án đã tiến hành xác minh, lấy lời khai, thu thập chứng cứ, mở phiên họp công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải, nhưng các bên đương sự không trở về đoàn tụ được, chị L không nhất trí trở về đoàn tụ, yêu cầu xin được ly hôn, anh H không nhất trí. Do vậy, Tòa án mở phiên tòa xét xử là đúng trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của BLTTDS.

[2]. Về yêu cầu khởi kiện:

Về quan hện hôn nhân: Xét thấy, chị Bùi Thị L và anh Bùi Đức H, kết hôn với nhau từ năm 2009, theo giấy đăng ký kết hôn số: 57 ngày 26/11/2009, tại Ủy ban nhân dân phường Quyết Thắng, Thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu, chị Bùi Thị L và anh Bùi Đức H kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, không ai ép buộc ai. Trong quá trình chung sống do không hòa hợp nên thường xuyên sảy ra mâu thuẫn, anh H, chị L và hai bên gia đình cũng đã cùng nhau tháo gỡ những mâu thuẫn để cùng nhau xây dựng hạnh phúc gia đình, nhưng không đạt được, tại phiên hòa giải ngày 25/11/2019 chị L và anh H không trở về đoàn tụ, chị L không có nguyện vọng trở về đoàn tụ, nhất quyết xin được ly hôn, anh H không nhất trí ly hôn vì anh H nhận thấy tình cảm của anh với chị L vẫn còn, nhưng thực tế anh thừa nhận ý kiến của chị L, anh không quan tâm gì đến gia đình vợ con. Nhận thấy, chị Bùi Thị L và anh Bùi Đức H kết hôn với nhau trên cơ sở hợp pháp, trong thời gian chung sống anh H thường xuyên không quan tâm chăm lo đến gia đình, vợ con, nên dẫn đến hạnh phúc bị ảnh hưởng, mẫu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, Hội đồng xét xử xét thấy, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị L cho chị Bùi Thị L và anh Bùi Đức H được ly hôn.

Về con chung: Chị Bùi Thị L và anh Bùi Đức H có 02 con chung tên là Bùi Thị Phương L, sinh ngày 31/08/2010 và cháu Bùi Quang V, sinh ngày 31/10/2016 tại phiên hòa giải ngày 25/11/2019 anh Bùi Đức H và chị Bùi Thị L thỏa thuận giao hai cháu cho anh Bùi Đức H trực tiếp chăm sóc, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thảo thuận không yêu cầu. Tại phiên tòa chị Bùi Thị L và anh Bùi Đức H thỏa thuận giữ nguyên ý kiến thỏa thuận trong biên bản hòa giải ngày 25/11/2019.

Về tài sản chung và công nợ: Trong bản khai ngày 17/10/2019 Anh Bùi Đức H yêu cầu giải quyết theo quy định pháp luật. Tuy nhiên tại phiên hòa giải ngày 25/11/2019 anh Bùi Đức H và chị Bùi Thị L thống nhất tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, do vậy, Hội đồng xét xử không xem xét, trường hợp các bên không thỏa thuận được sẽ được giải quyết trong vụ án khác khi có yêu cầu.

[3] Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH khóa XIV về án phí, lệ phí. Buộc chị Bùi Thị L phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn đồng) đồng án phí Hôn nhân & gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56; Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật hôn nhân & gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, khoản 4 Điều 147;

Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH khóa XIV về án phí, lệ phí.

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Bùi Thị L, chị Bùi Thị L và anh Bùi Đức H được ly hôn, theo giấy chứng nhận kết hôn số: 57 ngày 26/11/2009 của Ủy ban nhân dân phường Quyết Thắng, Thành phố Lai Châu, tỉnh Lai Châu.

[2]. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của anh Bùi Đức H và Chị Bùi Thị L, giao hai con chung là Bùi Thị Phương L, sinh ngày 31/08/2010 và cháu Bùi Quang V, sinh ngày 31/10/2016 cho anh Bùi Đức H trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Anh Bùi Đức H và chị Bùi Thị L có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi, đồng thời được quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom con, không ai được cản trở. Về cấp dưỡng nuôi con hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu giải quyết, Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Buộc Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số: AA2010/0002678, ngày 03 tháng 10 năm 2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mường Tè, tỉnh Lai Châu. Chị Bùi Thị Lành đã nộp xong án phí Hôn nhân & gia đình sơ thẩm.

Án xử công khai có mặt nguyên đơn, có mặt bị đơn. Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án lên Tòa án nhân dân tỉnh Lai Châu để xem xét theo thủ tục phúc thẩm./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Thi hành án dân sự huyện;
- UBND P Quyết thắng, TP Lai Châu;
- Lưu HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)
Đỗ Mạnh Trang